

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HN-PT

Ngày: 28/7/2023

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:16/2023/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 34/2023/HN-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970; nơi cư trú: số X, đường N, tổ W, ấp N, xã Tr, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông H: Luật sư Nguyễn Văn T- thuộc Công ty Luật sư TNHH MTV Bảo Pháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: số X, đường N, tổ W, ấp N, xã Tr, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số Q, đường L, ấp A, xã Tr, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số J, tổ U, ấp Kh, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số S, đường L, ấp A, xã

Tr, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Trần T2, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số X, hẻm II, đường Tr, ấp Tr, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 30-10- 1990, tại UBND xã Tr, thị xã H, Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bà Đ không tôn trọng ông, ông không thể sống chung bà Đ, nay ông yêu cầu ly hôn bà Đ.

Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Kim Ch, sinh năm 1995. Các con đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đ trình bày: Bà thống nhất về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do ông H ham chơi không lo làm, muốn được tự do chung sống với người phụ nữ khác không cố gắng cùng bà chăm sóc gia đình, lo làm ổn định kinh tế. Ông H thường ngoại tình đã nhiều lần xin lỗi và cam kết không tái phạm nhưng nay vẫn như vậy, bản thân bà đã chịu khổ nhiều năm. Nay ông bà đã lớn tuổi, bản thân ông H có bệnh, bà muốn giữ gia đình ổn định và tạo điều kiện cho ông H có cơ hội quay về được vợ con chăm sóc. Bà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Kim Ch, sinh năm 1995. Các con đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà chỉ làm kinh tế buôn bán nhỏ, không có tiền để nuôi các con và ổn định cuộc sống, phải thường vay ngân hàng và vay cá nhân bên ngoài và khi cần tiền đáo hạn ngân hàng không có tiền phải mượn các chị em của ông H và anh Toàn là bạn của con gái ông H để trang trải cuộc sống hàng ngày, nên việc vay nợ trả nợ liên tục, cụ thể:

Nợ bà Huỳnh Thị B là chị ruột của ông H, là tiền mượn để xây nhà số tiền là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng). Thỏa thuận không tính lãi, không thể chấp tài sản.

Nợ bà Huỳnh Thị T1 là em ruột ông H, mượn 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), tiền vay để xây nhà, sử dụng gia đình. Thỏa thuận không tính lãi, không thể chấp tài sản.

Nợ bà Huỳnh Thị V là chị ruột ông H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), vay tiền để trả tiền Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Hòa Thành.

Nợ anh Nguyễn Trần T2 là bạn học của con gái ông H, số 120.000.000 đồng

(một trăm hai mươi triệu đồng) để trả tiền nợ xây nhà, không tính tiền lãi, không thể chấp tài sản.

Ngoài ra không còn nợ ai khác, không có nợ ngân hàng nào khác.

Nay bà Đ đã thỏa thuận xin trả dần không khởi kiện nên không yêu cầu tòa án giải quyết nợ chung, tài sản chung.

Về tài sản chung: Có 02 phần đất.

- 01 phần đất có diện tích 240,6m², tọa lạc tại ấp L, xã Tr, thị xã H do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Huỳnh Văn H. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, xây tháng 4 năm 2019 (âm lịch).

- 01 phần có đất diện tích 3.818m², tọa lạc tại ấp X, xã H, thị xã H do UBND huyện Hòa Thành cấp cho ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Bà Đ rút đơn yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vì bà yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bình, bà Văn, bà Tám thống nhất trình bày:

Các bà và ông H (tên thường gọi là Lợi) là chị em ruột, bà Bình thứ 6, bà Văn thứ 7, bà Tám thứ 10, ông H thứ 8. Bà Đ là em dâu.

Các bà biết rõ mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng ông H, bà Đ là do bình thường ông H ít lo làm việc, chỉ phụ giúp công việc với bà Đ. Việc chăm lo kinh tế gia đình chủ yếu do bà Đ làm. Ông H ham chơi, có quan hệ vợ chồng với nhiều người phụ nữ khác, nhiều lần hứa, cam kết sửa sai không tái phạm nhưng khoản tháng 7/2022 ông H có quan hệ như vợ chồng với bà Trịnh Thị H, sinh năm 1973, sống chung như vợ chồng tại nhà trọ, các bà và bà Đ có đến bắt gặp và chụp hình lại. Các bên gây gỗ được Công an xã T hòa giải cho gia đình hòa thuận, không có xử phạt vi phạm hành chính.

Bà Đ không có lỗi gì với ông H, bà Đ và các bà yêu cầu tòa án cho đoàn tụ để ông H có cơ hội quay về sống nghiêm túc, làm gương cho con cháu.

Việc vợ chồng ông H, bà Đ có nợ cụ thể:

Bà Bình trình bày: Ngày 18/4/2019, có cho vợ chồng bà Đ ông H vay số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) để làm nhãn, không có tính lãi suất, nhưng đến nay chưa trả. Bà Đ có ký tên.

Bà Văn trình bày: Ngày 02/7/2019, có cho vợ chồng bà Đ ông H vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để xây nhà, không có tính lãi suất, nhưng đến nay chưa trả. Bà Đ có ký tên.

Bà Tám trình bày: Ngày 01/02/2019, có cho vợ chồng bà Đ ông H vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để xây nhà, không có tính lãi suất, nhưng đến nay chưa trả.

Các bà cho vợ chồng bà Đ ông H vay không tính lãi vì là chị em ruột giúp đỡ các em làm kinh tế sinh sống ổn định gia đình, nay vì ông H ham chơi mà phá

gia đình nên các bà phải yêu cầu trả lại tiền, tuy nhiên các bà muốn tạo điều kiện cho vợ chồng bà Đ ông H đoàn tụ nên các bà không yêu cầu trả nợ, để cho bà Đ tiếp tục lo cho gia đình, tạo điều kiện cho ông H tu tâm dưỡng tính, sống hạnh phúc gia đình.

Anh Nguyễn Trần T2 trình bày: Năm 2020, anh có cho bà Đ mượn số tiền 60.000.000 đồng, năm 2021, anh có cho bà Đ mượn số tiền 70.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng. Anh cho bà Đ mượn tiền không có tính lãi, nay anh không yêu cầu bà Đ, ông H trả tiền nợ, do hiện bà Đ không yêu cầu tòa án giải quyết nợ chung, tài sản chung, khi nào có tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện ở vụ kiện khác.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HN-ST ngày 31-5-2023, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Quyết định.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn H đối với bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ vẫn còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Kim Ch, sinh năm 1995. Các con đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Ông H, bà Đ, bà Bình, bà Văn, bà Tám, anh Toàn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13-6-2023, ông Huỳnh Văn H có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm ông cho rằng giữa ông và bà Đ không còn tình cảm với nhau và không còn quan tâm với nhau nữa. Việc đoàn tụ không thể thực hiện được. Ông và bà Đ ly thân đã 03 năm. Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H trình bày: Ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Đ trình bày: Bà Đ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông H.

Luật sư phát biểu bảo vệ quyền lợi cho ông H trình bày: Trong quá trình chung sống ông H, bà Đ đã mâu thuẫn nhiều năm không thể hàn gắn được, bà Đ không còn tình cảm với ông H, không có biện pháp đoàn tụ gia đình. Để ổn định cuộc sống cho ông H đề nghị Hội đồng xét xử cho ông H được ly hôn bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 31-5-2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 13-6-2023, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H có đơn kháng cáo. Kháng cáo của ông H còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H thấy rằng:

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện Hòa thành (nay thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống ông H, bà Đ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và tính tình không hòa hợp. Năm 2004, bà Đ có đơn xin ly hôn với ông H gửi ban tư pháp xã Tr (bút lục 53). Năm 2022, ông H có đơn xin ly hôn với bà Đ. Sau đó ông H rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án nhân dân thị xã H ra quyết định đình chỉ số: 93/2022/QĐ ST-HNGĐ ngày 28-10-2022. Sau khi rút đơn khởi kiện, thì giữa ông H và bà Đ cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Ông H tiếp tục có đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản tự khai ngày 10-12-2023; đơn phản tố ngày 13-12-2022; Biên bản hòa giải về nợ chung, tài sản chung bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông H (bút lục 31,33 40); tại bản tự khai ngày 19-4-2023, bà Đ xác định bà với ông H sống không có hạnh phúc (bút lục 57). Ông H và bà Đ sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hiện ông H và bà Đ không còn sống chung nhà, ông H đã chuyển đi sống nơi khác hơn 01 năm. Cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H và bà Đ không có khả năng đoàn tụ. Ông H yêu cầu ly hôn với bà Đ là có cơ sở. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông H.

Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Kim Ch, sinh năm 1995. Các con đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Ông H, bà Đ, bà Bình, bà Văn, bà Tám, anh Toàn không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp tách ra giải quyết ở vụ kiện khác.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, chấp nhận lời trình bày của luật sư, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án hôn nhân sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ-ST ngày 31-5-2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn H được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.
2. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HN-ST ngày 31-5-2023, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh
3. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn H đối với bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng Đ .

Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Kim Ch, sinh năm 1995. Các con đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T1, anh Nguyễn Trần Toàn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021149, ngày 05/12/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Ông H đã nộp xong.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), theo biên lai thu số 0021296, ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Về án phí phúc thẩm : Ông Huỳnh Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số: 0021589 ngày 13-6-2023, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân